

Bản án số: 451/2022/HC-PT

Ngày: 28 - 9 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;
Ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 606/2020/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 07/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8612/2022/QĐPT-HC ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1940; địa chỉ: Số nhà 137, tổ 7 (tổ 12 cũ), phường X, đường T, thành phố H, tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T, Phó chủ tịch UBND tỉnh H. Vắng mặt, có văn bản số 3182/UBND-TCD ngày 23/9/2022 đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND thành phố H, tỉnh H.

Đại diện: Ông Nguyễn N – Chủ tịch UBND thành phố H. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Hà Thị B và ông Hà Viết B1; địa chỉ: Tổ 7 (tổ 12 cũ), phường X, thành phố H, tỉnh H. Đều vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1937; địa chỉ: Tổ 7 (tổ 12 cũ), phường X, thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt.

4. Ông Hoàng Ngọc H, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Tổ 7 (tổ 12 cũ), phường X, thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI A VỤ ÁN:

1. Bà Nguyễn Thị A cho rằng bà có diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp tại tổ 7 (tổ 12 cũ) phường X, thành phố H nhưng UBND thành phố H đã cấp các GCN (sau đây viết tắt là GCN) cho người khác, là xâm phạm quyền lợi hợp pháp của bà. Cụ thể là:

- GCN số H2095 cấp ngày 24/7/2008 thửa đất ở có diện tích 190,2m² cho ông Hà Viết B1 và bà Hà Thị B;

- Các GCN số H 2147 (157,2m² đất trồng cây lâu năm khác); số H 2148 cấp cùng ngày 09/9/2008 (200m² đất ở) cấp cho bà Nguyễn Thị C, nhưng do bà C chuyển nhượng một phần trong 2 thửa đất nêu trên, ngày 05/02/2010, UBND thành phố H đã cấp các GCN mang số CH00111 và CH00112 cùng ngày 05/02/2010 cho bà Nguyễn Thị C (135,4m² đất ở và 111,4m² đất trồng cây lâu năm khác), GCN số CH00113 và CH00114 (62,6m² đất ở và 45,8m² đất trồng cây lâu năm khác) cho hộ ông Hoàng Ngọc H.

Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết lần đầu tại Quyết định số 4644/QĐ-UBND ngày 25/12/2012, không chấp nhận khiếu nại của bà; tại Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 giải quyết khiếu nại lần 2, Chủ tịch UBND tỉnh H xác định UBND thành phố H cấp GCN cho 3 hộ gia đình trên trong khi bà A đang có tranh chấp là không đúng; đã quyết định yêu cầu Chủ tịch UBND TP H hủy bỏ Quyết định số 4644/QĐ-UBND và thu hồi các GCN đất đã cấp cho 3 hộ gia đình; tạm giao đất cho các hộ tiếp tục quản lý, sử dụng và giữ nguyên hiện trạng đối với diện tích đất các hộ đang thực tế quản lý, sử dụng để chờ kết quả giải quyết tranh chấp đất đai của cơ quan chức năng.

Ngày 20/11/2013, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành các Quyết định thu hồi các GCNSD đất đã cấp (Quyết định số 4048/QĐ-UBND thu hồi GCN cấp cho hộ bà Hà Thị B; Quyết định số 4049/QĐ-UBND thu hồi GCN cấp cho hộ bà C; Quyết định 4050 thu hồi GCN đã cấp cho hộ ông H).

Bà Nguyễn Thị A tiếp tục có đơn gửi đến các cơ quan Trung ương. Ngày 12/3/2020, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A, có nội A: *1. Nội A khiếu nại của bà về việc UBND thành phố H lấy đất của bà để cấp cho 3 hộ gia đình bà Hà Thị B, bà Nguyễn Thị C, ông Hoàng Ngọc Hiền là không đúng. 2. Hủy bỏ Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh; yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố H hủy bỏ các quyết định thu hồi GCN đối với 03 hộ gia đình bà Hà Thị B, bà Nguyễn Thị C, ông Hoàng Ngọc H (...)*

2. Ngày 08/4/2020, bà Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện vụ án hành chính,

yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 450/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H. Đơn kiện và trình bày của người khởi kiện có nội A:

Nguồn gốc đất mà các hộ bà Hà Thị B, hộ bà Nguyễn Thị C và hộ ông Hoàng Ngọc H được cấp GCN thuộc khuôn viên đất ao hồ trầm lầy do bà A được UBND xã MB cấp vào năm 1971, Chủ tịch UBND xã ký duyệt thủ tục thanh lý trị giá 3 năm bằng 6 vụ thóc quy ra tiền, bà đã nộp cho kế toán của UBND xã từ năm 1971 đến hết năm 1973, ngày 09/9/1974, ông Hoàng Văn Mộc là Chủ tịch xã cấp giấy chứng nhận. Sau đó bà đã đầu T khai phá tôn tạo san lấp ao hồ trầm lầy cải tạo thành mặt bằng đất thổ cư, hiện là 5 thửa trong bản đồ địa chính 33-B-I-C phường X, thành phố H, tỉnh H.

Bà A xác nhận giữa bà với anh em bên chồng có xảy ra mâu thuẫn về thửa đất này (chồng bà là ông Đinh Văn L, là anh trai ông Đinh Văn L2 và bà Đinh Thị L3), do năm 1987 ông Đinh Văn L2 đã bán một phần đất của bà cho bà Thân Thị Sỹ; năm 1982 vợ chồng bà L3 bán 1 phần đất của bà cho bà Nguyễn Thị C, đồng thời vợ chồng bà L3 còn đang ở nhờ nhà, đất của bà. Từ năm 2000, bà đã khởi kiện vụ án dân sự đòi vợ chồng bà Đinh Thị L3 trả phần nhà, đất đang ở nhờ cho bà; đồng thời bà cũng có đơn yêu cầu UBND thành phố H không cấp GCN đất cho những người đã nhận chuyển nhượng đất của ông Đinh Văn L2, bà Đinh Thị L3. Vụ án được giải quyết kéo dài, các cấp chính quyền trong đó có Chủ tịch tỉnh H chủ yếu dựa vào các tài liệu khuất tắt ông Nguyễn Q (thôn Trục Bình I, xã MB) để giải quyết đất đai cho bà Hà Thị B, bà Nguyễn Thị C, ông Hoàng Ngọc H là xâm phạm đất đai của bà A. Bà A cho rằng các hộ được cấp GCN đều không có bất cứ loại giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4, Điều 100 Luật đất đai năm 2013 để được cấp GCN.

Bà A khởi kiện và đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị A; Buộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi các giấy cấp sử dụng đất cho 03 hộ là hộ bà Hà Thị B, hộ bà Nguyễn Thị C, hộ ông Hoàng Ngọc H cùng địa chỉ tổ 7, phường X, thành phố H, tỉnh H liên quan đến quyết định giải quyết khiếu nại của bà A.

Chủ tịch UBND tỉnh H trình bày quan điểm đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị A:

Vụ việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị A là vụ việc phức tạp, kéo dài, đã được Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết lần đầu tại Quyết định số 4644/QĐ-UBND ngày 25/12/2012, Chủ tịch UBND tỉnh H giải quyết khiếu nại lần hai tại Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 tuy chấp nhận khiếu nại của bà A nhưng chỉ kết luận việc cấp GCN có vi phạm về hình thức, chưa đánh giá kết luận về nội A và bản chất vụ việc. Bà Nguyễn Thị A vẫn có đơn và liên tục đến Trụ sở Tiếp công dân tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh H phải thu hồi GCN đã cấp cho 03 hộ gia đình bà Hà Thị B, bà Nguyễn Thị C, ông Hoàng Ngọc H để trả lại đất cho bà Nguyễn Thị A. Mặc dù Chủ tịch UBND tỉnh nhiều lần trực tiếp

giải thích và có văn bản hướng dẫn, trả lời nhưng bà Nguyễn Thị A không đồng ý.

Thực hiện Kế hoạch số 363/KH-TTCTP ngày 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ về việc kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài; trên cơ sở hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ và Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường (tại Văn bản số 2054/TTCTP-C.I ngày 23/11/2018 của Thanh tra Chính phủ; Văn bản 601/TTr-TDXLĐT ngày 09/10/2018 của Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường), ngày 08/5/2019, Chủ tịch UBND tỉnh H đã thành lập Tổ công tác liên ngành để rà soát lại vụ việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị A.

Tổ công tác liên ngành đã thu thập các chứng cứ, tài liệu, tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị A, ông Đinh Gia Lượng, ông Đinh Văn L2 và các tổ chức, cá nhân có liên quan để xác định rõ nguồn gốc đất đai ban đầu, quá trình quản lý, sử dụng đất của các hộ gia đình và làm rõ quy trình, thủ tục cấp GCN cho 03 hộ gia đình bà Hà Thị B, bà Nguyễn Thị C, ông Hoàng Ngọc H; đồng thời có tham khảo các bản án của Tòa án nhân dân các cấp về giải quyết vụ án tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị A với hộ gia đình bà Đinh Thị L3. Trên cơ sở thu thập tài liệu, hồ sơ, xem xét vụ việc một cách kỹ lưỡng khách quan, toàn diện và thực hiện đầy đủ quy trình theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, ngày 12/3/2020, Chủ tịch UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND kết luận nội A khiếu nại của bà Nguyễn Thị A là không đúng; hủy bỏ Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố H hủy bỏ các quyết định thu hồi GCN đối với 03 hộ gia đình bà Hà Thị B, bà Nguyễn Thị C, ông Hoàng Ngọc H.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A là không có căn cứ, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

UBND thành phố H cung cấp hồ sơ cấp các GCN đất cho ông Hà Viết B1 và bà Hà Thị B; cho bà Nguyễn Thị C, ông Hoàng Ngọc H; xác định đã cấp GCN phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà Hà Thị B, ông Hà Viết B1 trình bày:

Năm 1988, vợ chồng ông bà mua đất, có tài sản trên đất của ông Đinh Văn L2, bà Phan Thị L, gồm 02 gian nhà gỗ lợp lá cọ đã cũ, các công trình phụ (Giếng nước, bếp, nhà vệ sinh, chuồng lợn...), đất đều đã xây Tờng rào xung quang bằng tre, nứa; đã làm đủ thủ tục chuyển nhượng qua UBND phường MT (phường cũ). Đất này ở cách nhà bà A, không liên quan gì với bà A. Gia đình đã xây nhà ở kiên cố và xây Tờng rào, sử dụng hợp pháp, ổn định đến nay.

Gia đình không đồng ý với Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của UBND tỉnh H do sai trái thiếu trách nhiệm, chỉ giải quyết theo yêu cầu của bà A, không xem xét thấu đáo cơ sở pháp lý về đất của bà A; đến Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 12/3/2020, Chủ tịch UBND tỉnh đã làm rõ sự thật là bà Nguyễn Thị A không có chứng cứ pháp lý về đất, bà A không thể đi

chiếm đoạt đất của người khác; phù hợp với bản án dân sự phúc thẩm số 56/2019/DS-PT ngày 17/5/2019 của TAND cấp cao tại Hà Nội (xử vụ án bà A kiện đòi nhà, đất của gia đình ông T –bà L3). Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

Bà Nguyễn Thị C trình bày:

Năm 1983, bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Vũ Thị Chi, nhà đất bà Chi đang ở, việc chuyển nhượng có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Y. Gia đình bà về ở sử dụng ổn định không có tranh chấp với ai, ngày 09/9/2008 được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp GCN với diện tích 200m² đất ở và 157,2m² đất vườn tạp. Sau đó có chuyển nhượng một phần đất của gia đình cho ông Hoàng Ngọc H, Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp lại quyền sử dụng đất.

Do có mâu thuẫn tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị A với em chồng nên vụ việc kéo dài nhiều năm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà C trong khi giữa gia đình bà và bà A không có bất cứ tranh chấp nào.

Bà Nguyễn Thị C không nhất trí với yêu cầu của bà Nguyễn Thị A.

Ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Tháng 10 năm 2009, ông bà mua đất ở của gia đình bà Nguyễn Thị C, bà C đã có GCNĐ và đã làm thủ tục để được cấp GCNĐ. Đầu năm 2010 ông bà đã được cấp phép và đã xây dựng nhà ở và chuyển về sinh sống từ năm 2010 cho đến nay. Ngày 25/11/2013 gia đình nhận được Quyết định số 4050/QĐ-UBND của UBND thành phố H về việc thu hồi GCNĐ của gia đình, nên đã có nhiều lần gửi đơn đề nghị đến các cấp chính quyền, tòa án nhân dân xem xét. Đến ngày 22/4/2020 UBND thành phố H có Quyết định số 1281/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 của UBND thành phố H, là hoàn toàn có căn cứ.

Ông H, bà Chung cho rằng không có tranh chấp, mâu thuẫn với ai về đất đai giáp ranh và không biết bà Nguyễn Thị A có liên quan gì. Gia đình đã mua đất của bà Nguyễn Thị C hợp pháp, theo đúng trình tự quy định của pháp luật, đã được pháp luật thừa nhận và được UBND thành phố H cấp GCNĐ.

Ông Nguyễn Q (Nguyên Chủ tịch UBND xã MB) có đơn trình bày về việc năm 2003, UBND xã MB giải quyết đơn khiếu nại của vợ chồng ông Đinh Văn L2, bà Phạm Thị Liên. Căn cứ kết quả làm việc với các tập thể và cá nhân, UBND xã MB đã tổ chức Hội nghị mở rộng thống nhất về nội A sự việc và làm rõ về lịch sử đất đai lô đất của ông Đinh Văn L2 cho anh trai Đinh Gia Lượng và chị dâu là Nguyễn Thị A đang ở tại tổ 12 phường X, Hội nghị khẳng định từ năm 1971-1985 xã MB chỉ giải quyết cấp lô đất trên cho ông Đinh Văn L2 và đã hủy bỏ giá trị của xác nhận do ông Lê Quang T (nguyên Phó chủ tịch UBND xã) ký vào giấy đề nghị của ông Đinh Gia L ngày 10/6/1979 và UBND xã MB đã có công văn số 06 ngày 10/7/2003 để trả lời cho ông Đinh Văn L2.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2020/HC-ST ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

- Căn cứ Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, 206 của Luật Tổ tụng hành chính;
- Căn cứ Điều 204 Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Điều 21, 36, 38, 39, 40, 44 Luật Khiếu nại năm 2011.
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị A và buộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi các GCN cấp cho 03 hộ là hộ bà Hà Thị B, hộ bà Nguyễn Thị C, hộ ông Hoàng Ngọc H cùng địa chỉ tổ 7, phường X, thành phố H, tỉnh H liên quan đến Quyết định giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Ngày 04/10/2020, bà Nguyễn Thị A kháng cáo bản án sơ thẩm, với lý do có vi phạm tố tụng, về nội A đã không xem xét các chứng cứ do bà xuất trình, xử bác yêu cầu của bà là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị A giữ nguyên nội A kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của đương sự; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện ngày 08/4/2020 của bà Nguyễn Thị A đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 450/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H, là đúng quy định khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị A hợp lệ, được chấp nhận xem xét kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị A:

[2.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định; đã tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; tổ chức đối thoại. Người bị kiện đã có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của người khởi kiện, cung cấp hồ sơ giải quyết khiếu nại và các tài liệu chứng cứ và đề nghị vắng mặt trong các lần đối thoại. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính

Bà A cho rằng không khởi kiện Chủ tịch UBND tỉnh H, mà khởi kiện cá nhân ông Đỗ Đức Duy là Chủ tịch UBND tỉnh H ký ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 trả lời bà A, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Duy không giữ chức vụ Chủ tịch UBND tỉnh H nên Tòa án không triệu tập ông Duy là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập các GCNQSD đất cấp năm 2009 cho bà C, ông H, là có thiếu sót nhưng tại cấp phúc thẩm, đương sự đã giao nộp bản sao hợp lệ các GCN này.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định 450/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H:

- Chủ tịch UBND tỉnh H đã ban hành quyết định đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại các điều 36, 38, 40, 41 Luật Khiếu nại 2011 và quy định của Luật đất đai.

- Về nội A giải quyết khiếu nại:

Bà A cho rằng các thửa đất UBND thành phố H đã cấp GCN cho người khác, là thuộc phần đất có nguồn gốc là đất trầm lầy bà A được UBND xã MB, thành phố H thanh lý từ năm 1971 đến năm 1974 và được cấp quyền sử dụng đất - nhưng bà A không xuất trình được loại giấy tờ gì về quyền sử dụng đất.

Quá trình UBND xác minh giải quyết khiếu nại, ông Đinh Gia Lượng (chồng bà A) thừa nhận đất là của em trai ông L (ông Đinh Văn L2) được UBND xã MB cấp, sau đó ông L2 cho gia đình ông L, bà A và cho bà Đinh Thị L3 sử dụng. Bà Nguyễn Thị A không thừa nhận việc ông L khai, bà cho rằng “Biên bản xác minh lịch sử nguồn gốc đất” do UBND xã MB lập ngày 03/7/2003 (nội A ông Đinh Gia Lượng xác nhận nguồn gốc đất của ông Đinh Văn L2), là do ông Nguyễn Q (nguyên là Chủ tịch, Bí thư xã MB, thành phố H) nhận hỏi lộ để lập ra, nhưng bà A không đưa ra được căn cứ, chứng cứ chứng minh. Theo yêu cầu của Tòa án, ông Nguyễn Q có văn bản trình bày, nội A xác nhận trước đây UBND xã MB xác minh, đã xác định xã MB chỉ cấp đất cho ông Đinh Văn L2. Để giải quyết khiếu nại của bà A, Tổ công tác của UBND tỉnh H đã trực tiếp xác minh những người biết sự việc, những người này đều xác nhận nguồn gốc là ông Đinh Văn L2 được UBND xã MB cấp.

Thực tế, bà Nguyễn Thị A không là người trực tiếp sử dụng đất ông L2, bà L3 sử dụng và đã làm nhà ở, sau đó đã bán cho người khác; việc mua bán đều có hợp đồng, được UBND xác nhận. Ông L2, bà L3 đều không thừa nhận đất đang

sử dụng là của bà A; bà A cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì với bên mua (bà C, ông Sỹ). Khi giải quyết hồ sơ mua bán nhà và chuyển nhượng đất đều không có ai tranh chấp, nên UBND thành phố H đã cấp GCN đất cho người mua nhà đất của ông L2, bà L3.

Mặt khác, phần đất bà Đinh Thị L3 ở (đã được cấp GCN đất đứng tên bà L3), bà A cho rằng có cùng nguồn gốc do bà A được thanh lý năm 1974, bà A có tranh chấp vụ án dân sự khởi kiện yêu cầu bà L3 trả nhà đất với lý do cho bà L3 ở nhờ từ năm 1986. Quá trình giải quyết vụ án từ sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và xét xử lại từ năm 2000 đến 2019, bà A đều cho rằng đất bà L3 ở có nguồn gốc cũng thuộc phần đất 50m ngang là khu tràm lầy của bà A được mua thanh lý và cấp đất năm 1974. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 56/2019/DS-PT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xác định các giấy tờ nguồn gốc đất do bà A xuất trình là không đủ cơ sở và xác định nguồn gốc đất là ông L2 được UBND xã MB cấp. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật tố tụng hành chính, tình tiết sự kiện đã được xác định trong bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thì không phải chứng minh, nên không có cơ sở xác định nguồn gốc đất bà L3, ông L2 đã bán cho bà Sỹ, ông Sử và UBND cấp GCN năm 2008, là đất của bà A, ông L, như nội A khởi kiện của bà A nêu.

Do vậy, không đủ căn cứ xác định đất là của bà A. UBND thành phố H cấp GCN đất cho bà C, ông S có hồ sơ hợp pháp, nên việc cấp là có căn cứ, đảm bảo đúng đối Tượng. Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh H trước đây chỉ xác định việc cấp GCN vào năm 2009 là có vi phạm về thủ tục (cần có kết quả giải quyết tranh chấp đất đai) chứ không hủy về nội A (do đất của bà A), nhưng trên thực tế giữa bà A và 3 hộ dân, không bên nào có yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, chỉ bà A khiếu kiện yêu cầu hủy GCN- do vậy việc thu hồi lại GCN đã cấp đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của 3 hộ gia đình đang trực tiếp sử dụng đất trong thời gian dài. Chủ tịch UBND tỉnh H đã thực hiện rà soát lại việc giải quyết khiếu nại của bà A, xem xét hồ sơ nguồn gốc đất đai, xác minh các bên liên quan; căn cứ kết quả xác minh đã kết luận không có cơ sở để xác định UBND thành phố H đã lấy đất của bà A để cấp GCN cho 3 hộ gia đình, từ đó ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 hủy bỏ Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh H, là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ.

Bà A kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu gì mới để chứng minh, chỉ xuất trình đơn đề ngày 08/03/2020 của ông Đinh Gia Lượng nội A *lô đất Chằm lầy là bà A trực tiếp được thanh lý, không phải đất ông L2*. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nội A này mâu thuẫn với lời khai, đơn trình bày của ông L trước đây và các chứng cứ khác, như trên đã phân tích, nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận kháng cáo của bà A.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà A phải chịu án phí phúc thẩm. Bà thuộc đối Tượng được miễn và đã có đơn xin miễn nên đủ điều kiện được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị A, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/9/2022.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H
- Cục THADS tỉnh H.
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương